TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2018
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Ngô Văn Thoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Ông Vũ Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981

HKTT: Số A, ngõ X, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1982

HKTT: Số A, ngõ X, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang D kết hôn ngày 12/12/2007, sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng và ở Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị có những

tin nhắn nhưng chị không nộp cho Tòa án. Sau đó vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vẫn do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, chị không bắt được quả tang nhưng chị theo dõi trong điện thoại của anh D có nhắn tin chuyện trò tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2012 thì vợ chồng chuyển hẳn về sống ở Bắc Giang và vợ chồng chung sống bình thường từ đó đến nay. Năm 2017 anh D lại có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng có xảy ra xô xát. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị có nói chuyện với bố mẹ anh D, gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đến nay quan hệ vợ chồng lạnh nhạt hơn, anh D không quan tâm đến gia đình vợ con. Cuối năm 2017 chị có làm đơn yêu cầu ly hôn anh D nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hy vọng anh D thay đổi và quan tâm đến vợ con nhiều hơn nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi, thường xuyên vắng nhà và không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 6/2018 chị và các con chị thuê nhà ở riêng, thời gian chị thuê nhà ở riêng thì anh D cũng không đến hỏi thăm chị, chị và anh D ly thân từ đó đến nay, không còn chung sống với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Quang D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 03/12/2008 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 17/9/2010. Hiện cả hai con đang ở với chị ở nhà thuê. Anh D đi suốt ngày, không quan tâm đến các con. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm bán chuyên trách ở UBND phường Lê Lợi, thời gian còn lại thì làm thêm ở ngoài. Thu nhập ổn định khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Chị không có chứng cứ gì chứng minh về thu nhập. Anh D mở công ty riêng, hàng tháng thu nhập bao nhiêu thì chị không nắm được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 và ngày 07/6/2018, bị đơn là anh Nguyễn Quang D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 12/12/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có thời gian tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Việc chị L cho rằng anh có quan hệ

bất chính với người phụ nữ khác là không đúng, vì ngoài chị L ra, anh không yêu ai. Hiện tại vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Bản thân anh vẫn quan tâm đến vợ và các con, vẫn chăm lo kinh tế cho gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 03/12/2008 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 17/9/2010. Hiện cả hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với vợ chồng anh. Do không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu gì về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Anh không đồng ý với yêu cầu của chị L về con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

+ Tại biên bản lấy lời khai của hai cháu Nguyễn Thu M và Nguyễn Quang K trình bày: Các cháu là con của mẹ L và bố D. Bố đi làm cả ngày, tối mới về nhà. Thỉnh thoảng bố mới ăn cơm cùng ba mẹ con một lần. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được ở với mẹ.

+ Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2018, UBND phường Lê Lợi, thành phố B là nơi chị L công tác cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị L là cán bộ bán chuyên trách tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D như thế nào thì UBND phường Lê Lợi không rõ, chị L không thường xuyên làm việc tại phường, một tuần chị L đến Phường làm việc khoảng từ 02 đến 03 ngày. Địa phương chưa phải hòa giải mẫu thuẫn giữa vợ chồng chị L- anh D lần nào và cũng chưa bao giờ thấy chị L và anh D có xô xát. Hàng tháng chị L không được trả lương mà chỉ được nhận tiền phụ cấp cho các công việc, tổng phụ cấp chị L được hưởng khoảng 1.500.000 đồng/tháng.

+ Tại biên bản làm việc ngày 07/8/2018, bà Hoàng Thị T, sinh năm 1952, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của chị L trình bày: Năm 2007, bà tổ chức cho chị L kết hôn với anh Nguyễn Quang D. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nhưng đến năm 2015 thì anh D đi làm ăn và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà không biết người phụ nữ đó là ai và ở đâu. Sau đó vợ chồng có mâu thuẫn và xô xát hay không

thì bà không nắm được. Nay chị L có yêu cầu ly hôn anh D, bà động viên để vợ chồng về đoàn tụ với nhau để cũng nuôi dạy các con. Còn việc có ly hôn hay không là do chị L và anh D quyết định, bà không có ý kiến gì. Hiện bà đang điều trị bệnh tại bệnh viện, tối thì về ở cùng với chị L tại nhà chị L thuê ở đường Hùng Vương. Về con chung: Chị L và anh D có hai con chung hiện đang ở cùng chị L, thời gian bà ở nhà chị L thuê thì không thấy anh D đến thăm con.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 28/6/2018 và ngày 27/7/2018 Tòa án đã mở phiên tòa, nhưng cần phải xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ, nên Hội đồng xét xử đã phải tạm ngừng phiên tòa và thời gian tiếp tục phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 22/8/2018.

- Phiên tòa ngày 22/8/2018, do có sự thay đổi về Thẩm phán, do vậy phiên tòa được xét xử lại từ đầu.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý và xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang D; Về con chung: Giao cho chị L nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 03/12/2008 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 17/9/2010. Anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Quang D phải chị 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con

- Kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Quang D vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh D là phù hợp với qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Quang D kết hôn ngày 12/12/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cuộc sống vợ chồng: Chị L xác định cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân mâu thuẫn đều là do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Cuối năm 2017, chị L có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D nhưng sau đó vì nghĩa đến con nhỏ, chị rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng khi rút đơn về chung sống thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh D vẫn vắng nhà thường xuyên và không quan tâm đến cuộc sống của chị và các con. Còn anh D khẳng định anh không ngoại tình, từ khi kết hôn đến nay vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc, anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con, nhưng Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh D đều không có mặt để tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ tháng 6/2018 chị L đã thuê nhà ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 03/12/2008 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 17/9/2010. Hiện các cháu đang do chị L nuôi dưỡng, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và nguyện vọng của hai cháu đều được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để các cháu có cuộc sống ổn định và theo nguyện vọng của hai cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung của chị L là phù hợp với quy định tại các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi thì thấy: Yêu cầu này là chính đáng và để đảm bảo việc chăm sóc các cháu được tốt hơn nên cần được chấp nhận. Buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Anh Nguyễn Quang D phải chị án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 03/12/2008 và cháu Nguyễn Thu M, sinh ngày 17/9/2010 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quang D phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị L, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị L và anh D có yêu cầu khác.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/06685 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Anh Nguyễn Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. Bắc Giang;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngọ Thị Thanh Hảo